

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng
và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng¹.

¹ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2023/NĐ-CP), có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định về Điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Tiêu chuẩn của giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc²

Giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; trong đó, tiêu chuẩn hoạt động chuyên môn phù hợp được quy định như sau:

1. Trường hợp giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật

a) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng: phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về quy hoạch xây dựng, phù hợp với đối tượng và

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

nội dung giám định;

b) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thực hiện một trong các công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về hoạt động xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;

c) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản: phải có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về nhà ở và thị trường bất động sản, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.

2. Trường hợp giám định tư pháp về chất lượng xây dựng công trình

a) Đối với giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng: phải có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;

b) Đối với giám định chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng: phải đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.

3. Trường hợp giám định chi phí xây dựng công trình, giá trị nhà ở và bất động sản: phải có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định.”.

Điều 3. Điều kiện của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc³

Tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phải đáp ứng quy định tại Điều 19 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14; trong đó, điều kiện hoạt động chuyên môn phù hợp được quy định như sau:

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

1. Trường hợp giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật

a) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định; cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

b) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thực hiện một trong các công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định; cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Trường hợp giám định tư pháp về chất lượng xây dựng công trình

a) Đối với giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;

b) Đối với việc giám định về chất lượng công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng; giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình: phải đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;

c) Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

3. Trường hợp giám định chi phí xây dựng công trình, giá trị nhà ở và bất động sản: phải đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định; cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

Điều 4. Điều kiện năng lực của văn phòng giám định tư pháp xây dựng⁴

1. Được thành lập và cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2020/QH14 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đáp ứng các yêu cầu về điều kiện tương ứng của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Điều 3 Nghị định này và phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng. Cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng nội dung quy định tại Điều 2 Nghị định này.

Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Nghị định này là tổ chức kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng đáp ứng các Điều kiện năng lực quy định tại Khoản 2 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng là 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Điều kiện năng lực:

a) Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Đáp ứng các yêu cầu chung của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và đáp ứng các yêu cầu cụ thể phù hợp với các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký;

c) Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với một trong các lĩnh vực thí nghiệm của tổ chức;

d) Có thí nghiệm viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp cho mỗi lĩnh vực thí nghiệm.

Điều 5a. Phạm vi và lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng⁵

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

1. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bao gồm các hoạt động đo lường xác định đặc tính về cơ, lý, hóa, hình học của các lĩnh vực thí nghiệm: vật liệu và sản phẩm vật liệu xây dựng; kết cấu và cấu kiện xây dựng; môi trường trong xây dựng; địa kỹ thuật; thí nghiệm hiện trường; thí nghiệm khác.

2. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm hoặc ngoài hiện trường.

Điều 5b. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và trạm thí nghiệm hiện trường⁶

1. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng là một bộ phận trực thuộc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bao gồm: nhân lực (trưởng, phó phòng thí nghiệm, các thí nghiệm viên) và các máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc thí nghiệm được bố trí trong một không gian riêng nhằm cung cấp các điều kiện để thực hiện các thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp mã số và có địa chỉ cố định ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2. Mã số phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng dùng để quản lý Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức. Mã số phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không thay đổi khi tổ chức đề nghị cấp lại hoặc bổ sung, sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại hoặc bổ sung, sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được Bộ Xây dựng cấp thì thực hiện việc cấp lại mã số phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định này. Mã số phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bao gồm 02 nhóm ký hiệu được nối với nhau bằng dấu chấm (.), quy định như sau:

a) Nhóm thứ nhất: mã định danh phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Phụ lục V Nghị định này bao gồm tên viết tắt phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng là LAS-XD và các ký tự thể hiện địa phương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023

b) Nhóm thứ hai: số hiệu phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng gồm 3 chữ số được cấp theo thứ tự số tự nhiên.

3. Trạm thí nghiệm hiện trường là một bộ phận trực thuộc phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, do tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thành lập để phục vụ hoạt động thí nghiệm cho dự án, công trình xây dựng cụ thể trong khoảng thời gian thi công xây dựng đối với dự án, công trình đó. Trạm thí nghiệm hiện trường được bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, đáp ứng các yêu cầu về không gian và điều kiện thí nghiệm như phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, tương ứng với các phép thử được thực hiện.

4. Căn cứ yêu cầu thực tế của từng dự án, công trình xây dựng cụ thể, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường. Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường phải ghi rõ địa chỉ, kèm theo danh mục phép thử, nhân sự, thiết bị được điều chuyển. Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường được gửi cho chủ đầu tư hoặc cá nhân, tổ chức được chủ đầu tư ủy quyền kiểm tra xác nhận phù hợp với các phép thử thực hiện cho công trình. Quá trình kiểm tra được lập thành biên bản trước khi tiến hành các hoạt động thí nghiệm, trường hợp một trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ cho nhiều dự án, công trình cùng thời điểm thì phải được ghi rõ trong Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường hoặc phải ban hành Quyết định bổ sung.

5. Trạm thí nghiệm hiện trường được sử dụng mã số LAS-XD của phòng thí nghiệm được ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

6. Các thiết bị thí nghiệm đặt tại trạm thí nghiệm hiện trường phải được kiểm định, hiệu chuẩn lại tại địa điểm đặt trạm thí nghiệm hiện trường theo quy định của pháp luật về đo lường trước khi tiến hành các thí nghiệm.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng⁷

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp cho tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây:

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023

a) Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động;

b) Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức đó trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp;

d) Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2. Hồ sơ đăng ký cấp mới, bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bao gồm:

a) Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 01 của Phụ lục I kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp đề nghị cấp mới, cấp lại), hoặc đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Mẫu số 02 của Phụ lục I kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi);

b) Danh sách cán bộ quản lý, thí nghiệm viên kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được đào tạo liên quan (trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này);

c) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này phù hợp với từng trường hợp đề nghị cấp mới hoặc bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này;

d) Các hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này (nếu có).

3. Trình tự cấp mới, bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này:

a) Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận một cửa của Sở Xây dựng hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Sở Xây dựng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại phòng thí nghiệm. Thành phần đoàn gồm đại diện Sở Xây dựng; chuyên gia có Chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm làm việc từ 05 năm trở lên kể từ ngày tốt nghiệp đại học. Nội dung đánh giá thực tế theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải gửi báo cáo kết quả khắc phục về Sở Xây dựng. Trường hợp các nội dung cần khắc phục phải kéo dài thêm thời hạn thì tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng báo cáo với Sở Xây dựng bằng văn bản và nêu rõ thời hạn hoàn thành việc khắc phục các nội dung trên nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn khắc phục;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản đánh giá thực tế và kết quả khắc phục (nếu có) đạt yêu cầu, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đối với các trường hợp quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này:

a) Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận một cửa của Sở Xây dựng hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Sở Xây dựng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu các tài liệu chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn để bổ sung và hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

5. Thẩm quyền cấp, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

a) Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng là cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

6. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này thì ghi thời hạn hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp trước đó.

7. Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá do tổ chức đăng ký hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng⁸

1. Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng khi tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có một trong các hành vi sau đây:

a) Thông báo tạm dừng hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023

b) Không duy trì thường xuyên các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Không đăng ký cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

d) Cung cấp phiếu kết quả thí nghiệm không đúng hoặc không đầy đủ nội dung quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

đ) Thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm, các tiêu chuẩn thí nghiệm không có trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc thí nghiệm viên không có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đào tạo phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;

e) Không thực hiện các yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn được ghi tại kết luận thanh tra, kiểm tra hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

g) Không thực hiện các quy định khi đặt trạm thí nghiệm hiện trường.

2. Hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng khi tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có một trong các hành vi sau đây:

a) Bị giải thể, phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật;

b) Thông báo chấm dứt hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Không khắc phục các sai sót sau khi bị đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

d) Cung cấp các số liệu kết quả thí nghiệm giả; sai lệch so với kết quả thí nghiệm, gây hậu quả nghiêm trọng về chất lượng công trình xây dựng;

đ) Thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm so với địa điểm ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp.

3. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bị đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền chỉ được xem xét ban hành quyết định khôi phục hiệu lực khi đã thực hiện khắc phục đầy đủ các lỗi vi phạm trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ. Sau

thời gian này, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm thì cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bị hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này được đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được thực hiện như trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp⁹

⁹ Khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 quy định chuyển tiếp đối với những nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2016/NĐ-CP như sau:

“5. Quy định chuyển tiếp đối với những nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2016/NĐ-CP

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này, tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành và đã được Bộ Xây dựng đánh giá, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có văn bản hoàn thiện khắc phục nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thì Bộ Xây dựng thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho tổ chức trong thời gian 15 ngày kể từ ngày đánh giá;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Nghị định này, tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành mà Bộ Xây dựng chưa đánh giá thì trả lại hồ sơ cho tổ chức để thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Sở Xây dựng;

c) Tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục sử dụng đến khi hết hạn. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, trường hợp tổ chức có đề nghị bổ sung, sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”

1. Các quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được Bộ Xây dựng cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tương đương với Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời gian 36 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức có quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải tiến hành đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Điều 8a. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng¹⁰

1. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước:

a) Bộ Xây dựng thống nhất quản lý hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với mã số LAS-XD và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc cấp mới, cấp lại, cấp bổ sung, sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Sở Xây dựng;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trên địa bàn hành chính của mình theo phân cấp; chỉ đạo Sở Xây dựng trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn;

c) Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này; thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, trạm thí nghiệm hiện trường tại địa phương, tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (nếu có); cập nhật số liệu cấp mới, cấp lại, cấp bổ sung, sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

¹⁰ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023

lên trang thông tin điện tử quản lý hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Bộ Xây dựng; định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, báo cáo việc thực hiện quản lý nhà nước các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại địa phương về Bộ Xây dựng.

2. Trách nhiệm của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

a) Bảo đảm và duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thí nghiệm viên và hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 5 và Điều 5b Nghị định này;

b) Có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý, Sở Xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức;

d) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, tiến hành thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/phòng thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp;

đ) Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, báo cáo hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, trạm thí nghiệm hiện trường về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo theo quy định;

e) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành¹¹

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Nghị định này được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế thì thực hiện theo phiên bản mới nhất.

¹¹ Điều 17 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023 quy định như sau:

“Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

BỘ XÂY DỰNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Số: **04** /VBHN-BXDHà Nội, ngày **07** tháng **7** năm 2023**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCN, GD (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Tường Văn**

Phụ lục I¹²

(Kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số	Mẫu tên văn bản
Mẫu số 01	Đơn đăng ký cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Mẫu số 02	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

¹² Phụ lục I này được thay thế theo quy định tại khoản 8 Điều 8 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023

Mẫu số 01. Đơn đăng ký cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)

(Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...
4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số:
5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:
 - a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)

- b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm
 - Địa chỉ cũ:
 - Địa chỉ đề nghị thay đổi:
 - c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
 - Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:
 - Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:
- (Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).*

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II¹³

(Kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

SỞ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ (1).....;

Căn cứ (2).....;

Xét hồ sơ của (3).....

CHỨNG NHẬN:

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm:

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu
thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG**(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ
điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

¹³ Phụ lục II này được thay thế theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số
35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023

Phụ lục III

*Kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

Phiếu kết quả thí nghiệm do tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng lập phải bao gồm các thông tin và nội dung cơ bản sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
2. Địa chỉ nơi đặt phòng thí nghiệm, mã số LAS-XD (ghi theo Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).
3. Số hợp đồng kinh tế hoặc văn bản yêu cầu của tổ chức yêu cầu thí nghiệm.
4. Tên dự án/công trình/hạng Mục công trình được khảo sát, lấy mẫu, thí nghiệm. Đối với các thí nghiệm phục vụ nghiên cứu/tự kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất thì ghi rõ Mục đích thí nghiệm.
5. Loại mẫu thí nghiệm.
6. Tiêu chuẩn thí nghiệm.
7. Kết quả thí nghiệm.
8. Thời gian lập phiếu kết quả thí nghiệm.
9. Chữ ký của nhân viên thí nghiệm và cán bộ quản lý./.

Phụ lục IV¹⁴
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

*(Kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

1. Đánh giá tính xác thực của hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư;

b) Quyết định thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Các quyết định bổ nhiệm các cán bộ quản lý hoạt động thí nghiệm (trưởng, phó phòng thí nghiệm);

d) Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và bản phân công công việc cho từng cá nhân trong phòng thí nghiệm đã được lãnh đạo phê duyệt, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ được đào tạo liên quan (phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm quy định tại khoản 1 Điều 5a Nghị định này);

đ) Danh mục các tài liệu, quy trình quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được lãnh đạo phê duyệt;

e) Danh mục các thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm; hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm; quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác;

g) Chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn (còn hiệu lực) các thiết bị thí nghiệm và đo lường theo quy định;

h) Hợp đồng sử dụng lao động đối với trưởng, phó phòng thí nghiệm và thí nghiệm viên được đăng ký trong hồ sơ;

i) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt phòng thí nghiệm kèm theo bản vẽ mặt bằng (kích thước phòng, vị trí các thiết bị thử nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu...).

2. Đánh giá thực tế năng lực của phòng thí nghiệm, bao gồm:

a) Sổ tay chất lượng, các quy trình: quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm (việc mã hóa mẫu thí nghiệm không áp dụng với các thí

¹⁴ Phụ lục IV này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023

nghiệm tiến hành tại hiện trường; các mẫu đơn lẻ có tính đặc thù trong phòng thí nghiệm); quy trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan;

b) Không gian, điều kiện và môi trường đảm bảo thực hiện các thí nghiệm, lưu giữ và bảo quản mẫu;

c) Tình trạng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác lấy, lưu, bảo quản mẫu và thí nghiệm mẫu;

d) Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị, dụng cụ, chứng chỉ của thí nghiệm viên và điều kiện thí nghiệm cho từng chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.

Phụ lục V¹⁵
MÃ ĐỊNH DANH PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG THEO TỈNH/THÀNH PHỐ
(Kèm theo Nghị định số 62/2016/NĐ-CP
Ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố	Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố
LAS-XD 01	An Giang	LAS-XD 33	Kon Tum
LAS-XD 02	Bà Rịa- Vũng Tàu	LAS-XD 34	Lai Châu
LAS-XD 03	Bắc Giang	LAS-XD 35	Lâm Đồng
LAS-XD 04	Bắc Kạn	LAS-XD 36	Lạng Sơn
LAS-XD 05	Bạc Liêu	LAS-XD 37	Lào Cai
LAS-XD 06	Bắc Ninh	LAS-XD 38	Long An
LAS-XD 07	Bến Tre	LAS-XD 39	Nam Định
LAS-XD 08	Bình Định	LAS-XD 40	Nghệ An
LAS-XD 09	Bình Dương	LAS-XD 41	Ninh Bình
LAS-XD 10	Bình Phước	LAS-XD 42	Ninh Thuận
LAS-XD 11	Bình Thuận	LAS-XD 43	Phú Thọ
LAS-XD 12	Cà Mau	LAS-XD 44	Phú Yên
LAS-XD 13	Cần Thơ	LAS-XD 45	Quảng Bình
LAS-XD 14	Cao Bằng	LAS-XD 46	Quảng Nam
LAS-XD 15	Đà Nẵng	LAS-XD 47	Quảng Ngãi
LAS-XD 16	Đắk Lắk	LAS-XD 48	Quảng Ninh

¹⁵ Phụ lục V này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023

Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố	Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố
LAS-XD 17	Đắk Nông	LAS-XD 49	Quảng Trị
LAS-XD 18	Điện Biên	LAS-XD 50	Sóc Trăng
LAS-XD 19	Đồng Nai	LAS-XD 51	Sơn La
LAS-XD 20	Đồng Tháp	LAS-XD 52	Tây Ninh
LAS-XD 21	Gia Lai	LAS-XD 53	Thái Bình
LAS-XD 22	Hà Giang	LAS-XD 54	Thái Nguyên
LAS-XD 23	Hà Nam	LAS-XD 55	Thanh Hóa
LAS-XD 24	Hà Nội	LAS-XD 56	Thừa Thiên Huế
LAS-XD 25	Hà Tĩnh	LAS-XD 57	Tiền Giang
LAS-XD 26	Hải Dương	LAS-XD 58	Thành phố Hồ Chí Minh
LAS-XD 27	Hải Phòng	LAS-XD 59	Trà Vinh
LAS-XD 28	Hậu Giang	LAS-XD 60	Tuyên Quang
LAS-XD 29	Hòa Bình	LAS-XD 61	Vĩnh Long
LAS-XD 30	Hưng Yên	LAS-XD 62	Vĩnh Phúc
LAS-XD 31	Khánh Hòa	LAS-XD 63	Yên Bái
LAS-XD 32	Kiên Giang		

Ví dụ: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có số thứ tự 039 được cấp tại tỉnh An Giang, sẽ có mã LAS-XD đầy đủ là: LAS-XD 01.039